

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
T PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136 /2021/HS-ST  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ B**

**- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Luyện

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vượng
2. Bà Hoàng Thị Hồng

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị T - Thư ký Tòa án.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân T phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 130/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2021/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Huy L**, sinh năm 1997, tên gọi khác: Không; nơi đăng ký hộ khẩu tH trú và chỗ ở: Tổ dân phố Sỏi, thị trấn Bồ Hạ, huyện YT, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; Đảng, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo Không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1968; có vợ: Lưu Thị Tr, sinh năm 1999 và 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

**\* *Bị hại:***

1. Anh Thân Văn P, sinh năm 1985 (vắng mặt)
2. Chị Nguyễn P T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 08, ngõ 971, tổ dân phố Giáp Tiêu, pH Dĩnh Kế, T phố B, tỉnh B.

3. Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 962, đường Lê Lợi, pH Dĩnh Kế, T phố B, tỉnh B

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 04, đường Xương Giang, pH Trần Phú, T phố B, tỉnh B.

2. Anh Hà Văn V, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hg Thân, xã Hg S, huyện LG, tỉnh B.

3. Chị Lưu Thị Tr, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Sỏi, thị trấn Bó Hạ, huyện YT, tỉnh B.

4. Anh Lương Ngọc H, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Mai Đình, pH Đa Mai, T phố B, tỉnh B.

5. Anh Trần Văn S, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10, đường Thân Nhân Trung, pH Mỹ Độ, T phố B, tỉnh B.

6. Anh Hồ Xuân S, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 162, đường Nguyễn Công Hăng, pH Trần Nguyễn Hãn, T phố B, tỉnh B.

*\* Người làm chứng:*

Chị Hoàng Thị Lan Hg, sinh 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 5, ngõ 946, đường Lê Lợi, pH Dĩnh Kế, T phố B, tỉnh B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Huy L là người không có công việc, thu nhập ổn định. Trong tháng 3 năm 2021, Trần Huy L đã lợi dụng sự tin tưởng của người quen thực hiện 02 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Bắc Giang, cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Trần Huy L và vợ chồng anh Thân Văn P, chị Nguyễn P T có mối quan hệ quen biết xã hội. Vào ngày 10/3/2021, L cùng vợ là chị Lưu Thị Tr và hai con nhỏ đến ở nhờ nhà anh P trong thời gian chờ tìm việc và tìm nhà trọ. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 17/3/2021, anh P bảo với L là vợ chồng anh P đi lễ ở thị xã Bím S, tỉnh Thanh Hóa nhờ L trông nhà, đưa hai con của anh P đi học giúp. L đồng ý, anh P giao cho L chìa khóa nhà. Đến khoảng 12 giờ cùng

ngày, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh P. L đi lên tầng ba lấy số tiền trên bàn thờ thổ công nhà anh P đếm được 1.400.000 đồng. Tiếp đó, L đi xuống lấy số tiền ở ban thần tài đặt tại tầng một nhà anh P đếm được 2.800.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt của anh P là 4.200.000 đồng.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày 17/3/2021, L kể cho vợ nghe việc lấy tiền trên bàn thờ nhà anh P, chị Tr yêu cầu L trả lại số tiền đã lấy nhưng L bảo sẽ tự giải quyết. Sau đó, L bảo chị Tr chuẩn bị đồ dùng rời nhà anh P. L gọi xe taxi đưa chị Tr và hai con của L ra đợi ở đường Lê Lợi. Khi ra khỏi nhà anh P, chị Tr có mang theo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 là tài sản của anh P, chị Thảo cho chị Tr mượn dùng để liên lạc từ trước. Sau khi taxi đưa vợ con đi khỏi, L lấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu Dibao, màu đen xám, không có biển số của anh P đi đến cửa hàng xe điện N Hg của ông Hoàng Văn Nghị, sinh năm 1960 trú tại số 04 đường Xương Giang, pH Trần Phú, T phố B bán cho ông N chiếc xe được số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó L cùng vợ con thuê nhà trọ tại pH Dĩnh Kế, T phố B. Số tài sản L chiếm đoạt được nhà anh P, L đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 18/3/2021, vợ chồng anh P, chị Thảo tìm gặp chị Tr để nói chuyện thì chị Tr trả lại cho anh P, chị Thảo 02 chiếc điện thoại di động đã mượn trước đó.

Ngày 31/3/2021, anh Thân Văn P làm đơn trình báo Công an thành phố Bắc Giang. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ 01 đoạn video từ camera an ninh của gia đình anh P trong đó có đoạn hình ảnh L chiếm đoạt tài sản của anh P.

Ngày 02/4/2021, Trần Huy L đến Công an T phố B đầu thú. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của ông Hoàng Văn N 01 chiếc xe máy điện Dibao, màu đen xám. Cơ quan điều tra đã cho ông N nhận dạng qua ảnh, kết quả ông N nhận ra L là người đã mang 01 xe máy điện Dibao đến bán cho ông vào ngày 17/3/2021.

Ngày 03/4/2021, chị T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu 5S, màu vàng. Ngày 31/5/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone 6, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S và 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Dibao cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Thân Văn P

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Lưu Thị Tr là vợ của Trần Huy L đã bồi tH cho vợ chồng anh P, chị T số tiền 4.200.000 đồng mà L đã lấy tại nhà anh P, bồi tH cho ông N số tiền 4.500.000 đồng. Đến nay, vợ chồng anh P, ông N không yêu cầu Trần Huy L pH bồi tH gì thêm.

**Vụ thứ hai:** Trần Huy L và chị Nguyễn Thúy H có mối quan hệ quen biết xã hội do tH đi hầu đồng cùng nhau. Sáng ngày 20/3/2021, L bắt taxi đến nhà chị H để cùng chị H đi làm tại huyện Tân Yên, tỉnh B. Khi đến nơi, L nhớ ra quên túi đồ ở phòng trọ nên mượn chị H xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, biển kiểm soát 98M1-003.88 (là xe của anh Hà Văn V là em kết nghĩa của chị H gửi tại đó). Khi được chị H cho mượn xe, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98M1-003.88 về đến phòng trọ của mình tại pH Dĩnh Kế, T phố B thì gặp vợ là chị Lưu Thị Tr. Chị Tr kể cho L nghe về việc mẹ của L là bà Bùi Thị H vừa gọi điện thông báo là ở nhà có người đến đòi nợ. Lúc này, L nảy sinh ý định mang xe mô tô biển kiểm soát 98M1-003.88 đi cầm cố để lấy tiền trả nợ. nên đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98M1-003.88 đến cửa hàng cầm đồ F88, địa chỉ tại số 41, đường Xương Giang, pH Ngô Quyền, T phố B. Do không đủ giấy tờ nên không cầm cố được. Do vậy, L đã bán xe mô tô biển kiểm soát 98M1-003.88 cho anh Lương Ngọc H đang ngồi tại quán nước vỉa hè trước cửa hàng F88 với giá 9.000.000 đồng. Quá trình mua bán xe mô tô biển kiểm soát 98M1-003.88, anh H có chụp ảnh L, giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn V và giấy tờ mua bán xe rồi gửi qua zalo cho L. Số tiền 9.000.000 đồng có được từ việc bán xe L đã dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Chị Nguyễn Thúy H không thấy L mang xe về trả nên đã gọi điện cho L yêu cầu trả lại xe. Trần Huy L nhiều lần hứa hẹn sẽ chuộc xe để trả nhưng do không đủ tiền nên không chuộc được xe. Ngày 31/3/2021, chị H làm đơn trình báo Công an T phố B.

Ngày 08/4/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu bạc, số Imei 352040070311295, gắn sim thuê bao số 0967025983 của anh Hà Văn V, kết quả tại ứng dụng Zalo phát hiện nhiều tin nhắn giữa tài khoản Zalo “Nam Ka” của Trần Huy L với tài khoản Zalo của anh V có nội dung trao đổi giữa L và anh V về việc L tự ý lấy xe của anh V mang đi

bán. Ngày 22/3/2021, L sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0731000865652 chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng cho anh V và hứa hẹn sẽ cùng anh V đi chuộc xe. Tuy nhiên, anh V không đồng ý nhận tiền nên đã chuyển số tiền 7.000.000 đồng cho chị H để chị H cùng L đi chuộc xe về cho anh V.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định sau khi mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M1-003.88, anh Lương Ngọc H đã bán chiếc xe trên cho anh Trần Văn S, sinh năm 1973, trú tại số 10, đường Thân Nhân Trung, pH Mỹ Độ, T phố B là chủ cửa hàng mua bán xe máy S L với giá 13.000.000 đồng. Sau đó, anh Trần Văn S đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Hồ Xuân S, sinh năm 1991, trú tại số 162, đường Nguyễn Công Hãng, pH Trần Nguyên Hãn, T phố B với giá 15.700.000 đồng. Ngày 25/6/2021, anh Hồ Xuân S đã giao nộp xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, biển kiểm soát 98M1-003.88, 01 giấy biên nhận bán xe máy và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002009 cho Cơ quan điều tra.

Ngày 26/6/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cùng giấy tờ xe cho chị Nguyễn Thúy H.

Tại Bản kết luận định giá số 47/KL-HĐĐG ngày 06/4/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự T phố B kết luận:

“- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, số Imei 353319074955409, mua tháng 10/2018, đã có sử dụng có trị giá thời điểm tháng 3/2021 là 1.000.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu 5S, màu vàng, số Imei 013888001837346, mua tháng 9/2019, đã qua sử dụng, có trị giá thời điểm tháng 3/2021 là 500.000 đồng.

- 01 xe máy điện nhãn hiệu Dibao, loại xe Dibao gogo, màu đen xám, số hiệu mô tơ 180126183, mua năm 2018, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng, có trị giá thời điểm tháng 3/2021 là 4.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, biển kiểm soát 98M1-003.88, màu S vàng-bạc-đen, số máy 1258758, số khung 651120, đã qua sử dụng, có trị giá thời điểm tháng 3/2021 là 15.000.000 đồng”.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 22/3/2021, Trần Huy L đã chuyển cho anh Hà Văn V số tiền 7.000.000 đồng. Anh V đã chuyển lại cho chị H số tiền này để

chị H cùng L đi chuộc xe. Chị Lưu Thị Tr là vợ L đã bồi tH cho chị H số tiền 8.000.000 đồng. Đến ngày 26/6/2021, chị H đã được trả lại xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, biển kiểm soát 98M1-003.88 nên chị H đã trả lại cho chị Lưu Thị Tr số tiền 15.000.000 đồng và có đơn đề N giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Trần Huy L. Chị Tr đã bồi tH cho anh Lương Ngọc H số tiền 9.000.000 đồng, anh H đã trả cho anh Trần Văn S số tiền 13.000.000 đồng. Anh Trần Văn S đã trả lại cho anh Hồ Xuân S số tiền 15.700.000 đồng. Đến nay, chị H, anh H, anh Trần Văn S, anh Hồ Xuân S không yêu cầu bồi tH gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Huy L đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản Cáo trạng số 135/CT-VKS ngày 17 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân T phố B đã truy tố bị cáo Trần Huy L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận: Ngày 17/3/2021 bị cáo được anh P, chị T giao chìa khóa nhà để nhờ bị cáo trông coi nhà và toàn bộ tài sản trong nhà. Do nợ nần nên bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 4.200.000 đồng và 01 chiếc xe điện nhãn hiệu Diba của gia đình anh P mang đi bán. Ngày 20/3/2021 do cần tiền trả nợ nên bị cáo đã lợi dụng lòng tin của chị H chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade mang đi bán. Do không còn tiền nên bị cáo không chuộc xe trả chị H được. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, không oan nên bị cáo không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị Tr khai: Chị là vợ bị cáo L. Bị cáo không bàn bạc, trao đổi với chị về việc chiếm đoạt tài sản của anh P, chị T, chị H. Toàn bộ số tiền khắc phục cho bị hại, người liên quan là của chị, chị không yêu cầu bị cáo pH hoàn trả.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề N Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Huy L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự để xử phạt: Bị cáo Trần Huy L từ 14 đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 02/4/2021.

3. Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Huy L, chị Lưu Thị Tr không có ý kiến tranh luận gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐĐG ngày 06/4/2021; dữ liệu hình ảnh camera an ninh thu được tại gia đình anh Thân Văn P và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Ngày 17/3/2021, trong quá trình được anh Thân Văn P, chị Nguyễn P T giao trông giữ nhà và tài sản tại địa chỉ số 08, ngõ 971, tổ dân phố Giáp Tiêu, pH Dĩnh Kế, T phố B, bị cáo Trần Huy L đã chiếm đoạt của anh P, chị T số tiền 4.200.000 đồng và 01 xe máy điện nhãn hiệu Dibao trị giá 4.000.000 đồng. Ngày 20/3/2021, sau khi được chị Nguyễn Thúy H cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, biển kiểm soát 98M1-003.88, màu S vàng-bạc-đen, trị giá 15.000.000 đồng để sử dụng, bị cáo Trần Huy L đã đem chiếc xe đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của những bị hại là 23.200.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu T tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Viện

Kiểm sát nhân dân T phố B truy tố bị cáo theo tội danh, điểm, khoản, Điều luật trên là có căn cứ.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Để có tiền trả nợ, chi tiêu cá nhân bị cáo đã lợi dụng lòng tin của chủ sở hữu tài sản chiếm đoạt tài sản mang đi bán. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa P. Do vậy cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong các ngày 17/3/2021, ngày 20/3/2021 trên địa bàn T phố B, bị cáo đã thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản của những bị hại nên bị cáo pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi tH thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại và ra đầu thú; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo T khẩn về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng trong thời gian ngắn bị cáo liên tiếp thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản của những bị hại. Do vậy, để răn đe, giáo dục bị cáo, phòng ngừa tội phạm cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi tH, hoàn trả gì nên không xem xét.

[8] Đối với chị Lưu Thị Tr là vợ của bị cáo, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không bàn bạc, trao đổi với chị Tr nên chị Tr không đồng phạm với bị cáo. Đối với 02 chiếc điện thoại di động chị Tr mang ra khỏi nhà anh P là tài sản vợ chồng anh P, chị T cho chị Tr mượn để sử dụng, liên lạc. Ngày 18/3/2021, chị Tr đã trả lại 02 chiếc điện thoại di động trên cho anh P, chị T nên không vi phạm pháp luật.



[9] Đối với ông Hoàng Văn Nghị có hành vi mua xe máy điện nhãn hiệu Dibao do bị cáo đem bán; anh Lương Ngọc H, anh Trần Văn S và anh Hồ Xuân S có hành vi mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, biển kiểm soát 98M1-003.88 nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không vi phạm pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Trần Huy L 01 năm 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 02/4/2021.

2. Về án phí: Bị cáo pH chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B
- VKSND T phố B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Cơ quan điều tra Công an T phố B;
- Cơ quan THAHS Công an T phố B;
- Trại giam Hoàng Tiến – Bộ Công an;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Thị Luyện**